

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.

Chương I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016

Điều 1. Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2016

Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương khi đánh giá tình hình thực hiện thu, chi NSNN năm 2016 phải dựa trên căn cứ sau:

1. Nhiệm vụ NSNN năm 2016 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại Nghị quyết số 99/2015/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 về dự toán NSNN năm 2016 và Nghị quyết số 101/2015/QH13 ngày 14 tháng 11 năm 2015 về phân bổ ngân sách Trung ương (NSTW) năm 2016; Quyết định số 2100/QĐ-TTg và số 2101/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2015 về giao dự toán NSNN năm 2016, Quyết định số 2526/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2015 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển (ĐTPT) nguồn NSNN năm 2016 và các quyết định khác về bổ sung ngân sách trong quá trình điều hành NSNN năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, gồm: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2016 (Nghị quyết số 01/NQ-CP); Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ hàng tháng; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2016 về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2016 (Chỉ thị số 22/CT-TTg).

3. Thông tư số 206/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2016.

4. Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính – NSNN 6 tháng đầu năm; các giải pháp phấn đấu hoàn thành vượt dự toán NSNN 2016 trong những tháng còn lại đã được các cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan chức năng đối với công tác cải cách thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng khi tổ chức thực hiện thu chi NSNN; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, chống thất thu ngân sách, chống chuyển giá, thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; bảo đảm kinh phí cho quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và trật tự xã hội.

Điều 2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất - kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường 6 tháng cuối năm, thực hiện rà soát đánh giá các yếu tố tác động tăng, giảm thu, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2016 đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thông qua; trong đó tập trung vào các nội dung sau:

1. Đánh giá, phân tích từng nguyên nhân ảnh hưởng đến thu ngân sách năm 2016, gồm:

a) Tình hình thuận lợi, khó khăn trong sản xuất - kinh doanh, hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế do tác động của các yếu tố trong và ngoài nước; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu;

b) Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng;

c) Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp;

d) Mức độ tăng, giảm vốn đầu tư của các thành phần kinh tế;

đ) Khả năng tiếp cận vốn tín dụng thực hiện các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu của các doanh nghiệp; diễn biến thị trường bất động sản.

Trong đó làm rõ tác động của diễn biến giá dầu thô, giá hàng hóa nông sản, tác động của tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, sự cố môi trường biển ở một số tỉnh duyên hải Bắc Trung Bộ, thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, triển khai Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017 và định hướng đến năm 2020, các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử và tác động của các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 6 tháng đầu năm; làm cơ sở đánh giá kết quả thu NSNN trong 6 tháng còn lại của năm 2016.

2. Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP và Chỉ thị số 22/CT-TTg; tình hình triển khai thực hiện các chính sách thuế được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong năm 2016, bao gồm giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) và Luật Quản lý thuế theo Luật số 106/2016/QH13; sửa đổi, bổ sung biểu mức thuế suất thuế tài nguyên theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13; sửa đổi giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB nhập khẩu và hàng hóa chịu thuế TTĐB sản xuất trong nước theo Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính; hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài chính; thực hiện quy định về thuế đối với các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí theo Thông tư số 36/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính và các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu năm 2016.

3. Đánh giá tình hình xử lý và thu hồi nợ đọng thuế

Kết quả thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế năm 2016; thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

Rà soát, xác định chính xác số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, dự kiến số nợ phát sinh trong năm 2016, số nợ thuế được xóa theo qui định, số nợ

thuế thu hồi được trong năm 2016 và số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tổng hợp, phân loại đầy đủ, chính xác số thuế nợ đọng theo quy định.

4. Đánh giá tình hình kê khai, số hoàn thuế GTGT phát sinh theo kê khai của doanh nghiệp trong năm 2016, số dự kiến hoàn cho doanh nghiệp trong năm 2016 gắn với tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT và xử lý thu hồi tiền hoàn thuế GTGT sai quy định, đặc biệt là đánh giá tác động đến số chi hoàn thuế GTGT năm 2016 và số thu NSNN khi thực hiện các nội dung liên quan đến khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định tại Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TTDB và Luật Quản lý thuế. Đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cơ chế quản lý hoàn thuế GTGT để đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

5. Kết quả phối hợp giữa các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

6. Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2016.

Điều 3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ĐTP

Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương tập trung đánh giá các nội dung sau:

1. Công tác bố trí và tổ chức thực hiện dự toán chi ĐTP năm 2016

a) Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công và điều chỉnh dự án đầu tư công (nếu có) theo qui định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Tình hình phân bổ, giao dự toán chi ĐTP năm 2016: Việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi ĐTP cho các dự án, công trình trong năm 2016 theo Luật Đầu tư công; thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ XDCB thuộc nguồn NSNN.

c) Tình hình thực hiện chi ĐTP năm 2016: Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTP năm 2016, bao gồm giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II/2016 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2015, kế hoạch vốn năm 2016 thuyết minh đính kèm).

Tiến độ thực hiện các chương trình, dự án quan trọng, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi (tiến độ giải ngân, khả năng đảm bảo vốn đối ứng). Riêng các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi trong cân đối NSNN, xác định khả năng giải ngân vượt dự toán được giao (nếu có) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

d) Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB nguồn NSNN theo các Văn bản của Thủ tướng Chính phủ (Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015): Số nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, số xử lý trong năm 2016, ước tính số còn nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (chi tiết danh mục và số nợ của từng dự án).

đ) Số vốn NSNN đã ứng trước cho các dự án đầu tư đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa có nguồn thu hồi.

e) Tình hình huy động, thu hồi và trả nợ các nguồn vốn (kể cả nguồn tạm ứng tồn ngân Kho bạc nhà nước) để thực hiện các dự án, công trình đầu tư cơ sở hạ tầng.

g) Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6/2016 và dự kiến đến hết năm 2016; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

h) Đánh giá vướng mắc trong quản lý đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, kiến nghị giải pháp xử lý.

2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển

a) Tình hình thực hiện tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước (tổng mức tăng trưởng tín dụng, các nguồn vốn để thực hiện kế hoạch tăng trưởng tín dụng, nguồn NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất,...); đối tượng hưởng ưu đãi; phạm vi ưu đãi; đầu mối thực hiện chính sách tín dụng; lãi suất cho vay (căn cứ xác định lãi suất, mức lãi suất, chính sách lãi suất tín dụng ưu đãi trong trường hợp lãi suất thị trường có thay đổi); cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay.

b) Tình hình thực hiện chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; tín dụng học sinh, sinh viên; cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;... Mỗi chương trình cho vay cần làm rõ phạm vi, đối tượng, điều kiện vay; kết quả hoạt động, dư nợ cho vay, lãi suất huy động, số phát sinh bù chênh lệch lãi suất,...

c) Tình hình thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia năm 2016, gồm: tình hình

thực hiện kế hoạch mua, bán, nhập, xuất, luân phiên đổi hàng, xuất cấp hàng dự trữ quốc gia (chi tiết chủng loại, số lượng, giá trị hàng hóa). Đối với mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia cần chi tiết theo số lượng, chủng loại hàng dự trữ quốc gia đã tổ chức đấu thầu, ký hợp đồng, nhập kho theo kế hoạch đến thời điểm báo cáo.

Điều 4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

1. Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2016 theo từng lĩnh vực chi được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

2. Kết quả việc dừng triển khai và thu hồi các khoản kinh phí chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương nhưng đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa tổ chức đấu thầu để bổ sung dự phòng theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 22/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2016, cụ thể:

a) Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

b) Tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và bổ sung, sửa đổi tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

c) Tình hình triển khai thực hiện 6 tháng đầu năm và khả năng thực hiện cả năm 2016 đối với các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP); tình hình thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực (giáo dục đào tạo, y tế, khoa học công nghệ,...): Số đơn vị đã giao tự chủ theo từng loại; lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; tác động đến NSNN (nguồn thu của đơn vị sự nghiệp và số NSNN hỗ trợ thêm cho các đơn vị sự nghiệp - nếu có).

d) Một số nội dung cần chú trọng trong đánh giá các lĩnh vực chi NSNN:

Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề: Đánh giá kết quả thực hiện chính sách ưu đãi trong giáo dục, đào tạo và dạy nghề, việc thực hiện điều chỉnh học phí năm 2016 theo lộ trình qui định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Các bộ, cơ quan Trung ương chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học công lập đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ đánh giá cụ thể tiến độ và kết quả triển khai Đề án đến hết năm 2016; trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học trong việc thực hiện các cam kết; trách nhiệm của các bộ, ngành và ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học thực hiện Đề án thí điểm.

Lĩnh vực y tế: Đánh giá kết quả thực hiện chính sách ưu đãi trong lĩnh vực y tế; tình hình thực hiện và tác động điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC của Liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính; tình hình phân loại tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công.

Đánh giá tình hình thực hiện Đề án giảm quá tải bệnh viện phê duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đánh giá tình hình thực hiện và bố trí nguồn lực cho công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực hiện theo quy định.

- Hoạt động dự trữ quốc gia:

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi nhập, xuất, bảo quản, bảo hiểm,... hàng dự trữ quốc gia 6 tháng đầu năm 2016 và dự kiến cả năm 2016; tình hình thực hiện kế hoạch mua gạo xuất hỗ trợ học sinh bán trú, trồng rừng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa (tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

Điều 5. Đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu

1. Các bộ chủ chương trình báo cáo tiến độ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), chương trình mục tiêu (CTMT) giai đoạn 2016-2020.

2. Các địa phương đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi CTMTQG, CTMT; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong triển khai thực hiện.

3. Đối với các CTMT thực hiện bằng cả nguồn vốn ngoài nước, đánh giá cụ thể về tình hình giải ngân nguồn vốn ngoài nước, cơ chế tài chính và các kiến nghị (nếu có).

4. Khả năng cân đối ngân sách địa phương (NSDP) và huy động cộng đồng để thực hiện các CTMTQG, CTMT trên địa bàn. Trường hợp mức huy động thấp so với dự kiến, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

Điều 6. Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2016

Báo cáo về biên chế, quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp; xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bổ sung thêm báo cáo quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp thực hiện năm 2014 (theo số liệu quyết toán), thực hiện năm 2015 và dự kiến năm 2016; báo cáo nhu cầu kinh phí tăng thêm đến mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng năm 2015 và dự kiến nhu cầu năm 2016 theo các biểu mẫu số 16, 17, 18, 19 của Thông tư này.

Điều 7. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2016 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngoài các yêu cầu chung nêu trên, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung đánh giá thêm một số nội dung sau:

1. Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Khả năng cân đối NSDP so với dự toán, các biện pháp đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối NSDP trong điều kiện dự báo khả năng thu NSDP khó đạt mức dự toán giao theo Chỉ thị số 22/CT-TTg, gồm: phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, cắt giảm chi, sử dụng các nguồn lực tài chính của địa phương (50% dự phòng NSDP, nguồn cải cách tiền lương, nguồn kết dư ngân sách năm 2015; quỹ dự trữ tài chính,...). Đề nghị lượng hóa từng nguồn, số đã sử dụng, số còn dư (nếu có).

3. Tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội:

3.1. Các chính sách thường xuyên bố trí trong dự toán năm 2016:

Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ, Luật Người cao tuổi và Luật Người khuyết tật; chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3 – 5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm

2006 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh bán trú theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh phổ thông trung học ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, cho người cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; chính sách hỗ trợ tiền tiện cho hộ nghèo theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; chính sách miễn thu thuế lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ;...(đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện theo biểu mẫu số 13 của Thông tư này).

3.2. Các chính sách khác:

Chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng; chính sách đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tại các vùng đặc biệt khó khăn (chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn;...); chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách đối với trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020 theo Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách bảo hiểm thất nghiệp; hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân; chính sách hỗ trợ ngư dân gặp rủi ro khi bám biển, đánh bắt xa bờ; chính sách hỗ trợ lãi

suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản; chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ,... tại địa phương.

4. Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số NSTW hỗ trợ có mục tiêu cho NSDP - nếu có) và sử dụng dự phòng NSDP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng; tình hình sử dụng dự phòng NSDP đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

5. Tình hình phân bổ, giao chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất cho đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc phân bổ lập quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

6. Tình hình thực hiện huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng của NSDP (bao gồm cả tình hình huy động, bố trí vốn để hoàn trả cả gốc và lãi đến ngày 30 tháng 6 năm 2016), gồm: số dư nợ đầu năm, ước số huy động trong năm, số trả nợ đến hạn, ước dư nợ huy động đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong đó, số dư nợ huy động của NSDP theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật NSNN bao gồm cả các khoản vay vốn tín dụng ĐTP của Nhà nước để thực hiện Chương trình kiến cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn (Tình hình dư nợ, vay trả nợ của NSDP báo cáo chi tiết theo biểu mẫu số 9 của Thông tư này).

7. Tình hình thu, chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết; việc sử dụng số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đầu tư các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của địa phương, trong đó tập trung đầu tư cho các công trình thuộc các lĩnh vực giáo dục, y tế, hạ tầng nông nghiệp nông thôn theo quy định.

8. Tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Số xã hoàn thành mục tiêu chương trình, kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSDP, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn huy động khác,...).

9. Tình hình thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSDP, các nguồn huy động khác,...).

Chương II

XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2017

Điều 8. Mục tiêu, yêu cầu

1. Năm 2017, là năm thứ hai của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, là năm đầu triển khai Luật NSNN năm 2015 và cũng là năm đầu của

thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2016-2020 và các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2020.

2. Việc xây dựng dự toán NSNN phải được thực hiện theo đúng qui định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã được Quốc hội thông qua và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017.

3. Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2017 theo đúng các quy định của pháp luật về chế độ thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017 và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 được cơ quan có thẩm quyền quyết định. Quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

4. Các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và giai đoạn 2016-2020 của ngành, lĩnh vực và địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong năm 2017; chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai trong năm 2017 để hoàn thành nhiệm vụ, các chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

5. Các bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành, lĩnh vực tiếp tục rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để bãi bỏ, hoặc lồng ghép theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới khi cân đối được nguồn; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Lập dự toán NSNN đảm bảo thời gian quy định của Luật NSNN năm 2015; thuyết minh về cơ sở pháp lý, chi tiết tính toán và giải trình cụ thể.

Điều 9. Xây dựng dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2017 được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành; tổng hợp đầy đủ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào NSNN theo qui định của Luật NSNN năm 2015; trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2016, dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2017 có tính đến các yếu tố tác động trong và ngoài nước; tính toán cụ thể các yếu tố

tăng, giảm thu do thực hiện các văn bản pháp luật về thuế mới sửa đổi, bổ sung và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết quốc tế; yếu tố tăng thu từ tăng cường kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế của các tổ chức, cá nhân, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng thu từ chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi.

Trên cơ sở đó, phân đầu tỷ lệ huy động vào NSNN trên GDP năm 2017 khoảng 20-21%. Dự toán thu nội địa (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) tăng bình quân tối thiểu 13 - 15% so với đánh giá ước thực hiện năm 2016 (loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2016. Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn. Việc hướng dẫn, phân công cơ quan thu quản lý đối với người nộp thuế thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

1. Xây dựng dự toán thu nội địa

a) Các địa phương xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2017 ngoài việc phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn), nhất là các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh; trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2015, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, yêu cầu phân đầu và khả năng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2016, dự báo tăng trưởng kinh tế trên địa bàn năm 2017 và số kiểm tra về dự toán thu năm 2017 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

b) Dự toán thu NSNN năm 2017 phải tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định mới đã có hiệu lực thi hành từ năm 2016 tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2017 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2017; trong đó lưu ý: Luật NSNN năm 2015, Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế; Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên; lệ phí môn bài (thay thế cho thuế môn bài); thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hạch toán tập trung trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu sản xuất trong nước; thu xổ số kiến thiết theo chế độ thu quy định tại các văn bản pháp luật về thuế và chế độ quản lý tài

chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính.

c) Tổng hợp đầy đủ khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các Giấy phép do Trung ương cấp và Giấy phép do ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp; tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương, địa phương xử lý; tiền thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp có vốn của trung ương, địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc trung ương, địa phương quản lý.

d) Các bộ, ngành, địa phương phải tính tới các nguồn thu gắn với việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng cường công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, tăng cường giám sát, quản lý, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính; các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra Chính phủ, các cơ quan chức năng và số tiền thuế truy thu, truy hoàn, tiền thuế nợ dự kiến thu hồi cho NSNN.

2. Xây dựng dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu

Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu được xây dựng:

a) Căn cứ vào dự báo tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ có thuế trong bối cảnh hội nhập, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu; sự chuyển dịch cơ cấu mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng truyền thống có nguồn thu chủ lực và các mặt hàng mới phát sinh.

b) Phải xét đến các yếu tố tác động chính như: giá trong nước và giá trên thị trường quốc tế của những mặt hàng có nguồn thu lớn; tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đồng tiền của các đối tác thương mại chiến lược; tác động giảm thu từ việc áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc hoàn thuế theo lộ trình cắt giảm thuế quan tại các Hiệp định thương mại tự do đã và sắp ký kết; mức độ thuận lợi hóa thương mại và ảnh hưởng của các hàng rào kỹ thuật; quy mô, tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư trọng điểm có nhập khẩu nguyên vật liệu, trang thiết bị; những thay đổi về chính sách trong và ngoài nước.

3. Các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định

a) Thực hiện Luật Phí và lệ phí và Luật NSNN năm 2015, từ năm ngân

sách 2017, một số khoản thu phí chuyển thành giá dịch vụ sẽ không thuộc danh mục giao dự toán thu NSNN; các khoản lệ phí nộp toàn bộ vào NSNN, các khoản phí được để lại một phần hoặc toàn bộ cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thu phí và được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước trong trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí.

Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương cần rà soát, trình cấp có thẩm quyền loại bỏ các khoản phí, lệ phí không đúng quy định, loại trừ một số khoản chuyển sang giá dịch vụ, đảm bảo phù hợp với danh mục quy định tại Luật Phí và lệ phí; báo cáo cụ thể từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết: số thu, số được để lại chi theo chế độ, số nộp NSNN) để có cơ sở giao dự toán thu phí, lệ phí và dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại.

Đối với khoản thu học phí (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo qui định của Luật Phí và lệ phí), từ năm 2017 không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các bộ, cơ quan trung ương. Tuy nhiên, các bộ, cơ quan trung ương tiếp tục thực hiện tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi theo chế độ để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

b) Các khoản thu sự nghiệp không thuộc danh mục thu phí, lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ, không thuộc nguồn thu NSNN, không tổng hợp chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định.

Điều 10. Xây dựng dự toán chi NSNN

Khi xây dựng dự toán chi NSNN năm 2017, các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương cần chú ý các nội dung sau:

1. Xây dựng dự toán chi ĐTPT

a) Từ năm 2017, dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN bao gồm cả đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ và nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020 sẽ được Chính phủ trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIV.

b) Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN được xây dựng phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020; đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, trong đó chỉ bố trí vốn cho các chương trình, dự án dự kiến đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015

của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Khi xây dựng dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN, các bộ, ngành và địa phương cần chi tiết các lĩnh vực theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: (i) bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; (ii) vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; (iii) phần còn lại mới bố trí cho các dự án khởi công mới nếu có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

d) Đối với các bộ, cơ quan trung ương, các cơ quan, đơn vị ở địa phương năm 2017 được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu từ bán tài sản, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất để đầu tư, phải lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này và tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT của bộ, cơ quan trung ương, các cơ quan, đơn vị ở địa phương theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 11/2016/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2016, số 69/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014, số 71/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2014, số 140/2008/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2008, số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2007.

đ) Đối với dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng đầu tư, tín dụng chính sách của Nhà nước, căn cứ vào tình hình thực hiện năm 2016 dự kiến những thay đổi về đối tượng, chính sách, nhiệm vụ năm 2017 (dự báo tác động khi triển khai chuẩn nghèo mới theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020) để xây dựng dự toán chi theo quy định.

2. Xây dựng dự toán chi dự trữ quốc gia

Từ năm 2017, chi dự trữ quốc gia là một nội dung chi NSNN, nằm ngoài chi ĐTPT. Căn cứ Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020, các mục tiêu dự trữ quốc gia quy định tại Luật Dự trữ quốc gia và dự kiến mức tồn kho dự trữ quốc gia đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, các bộ, cơ quan trung ương quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch mua tăng (chi tiết từng danh mục hàng dự trữ quốc gia), xuất giảm, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia và xây dựng dự toán NSNN chi mua hàng dự trữ quốc gia năm 2017 trên tinh thần triệt để tiết kiệm, tập trung vào các mặt hàng chiến lược, thiết yếu, tần suất sử dụng nhiều, có tác dụng ứng phó kịp thời trong tình huống đột xuất, cấp bách; ưu tiên các mặt hàng dự trữ quốc gia phục vụ phòng, chống, khắc phục

hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, cứu đói, phục vụ quốc phòng - an ninh.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

a) Các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2017, xây dựng dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, đảm bảo đúng chính sách, chế độ và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017.

Các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương, các cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định. Trong đó, dự toán chi mua sắm máy móc, thiết bị theo quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; dự toán chi mua sắm phương tiện đi lại chỉ được thực hiện sau khi đã rà soát, sắp xếp lại, xử lý số xe hiện có mà vẫn còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Giảm tối đa cả về số lượng và qui mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ ký kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, tiếp khách; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác.

b) Dự toán chi quản lý hành chính được xây dựng gắn với lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, tinh giản biên chế nhanh hơn lộ trình để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

c) Các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương thực hiện nghiêm lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo qui định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, đẩy mạnh việc triển khai cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tính toán cụ thể khả năng tăng thu của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc từng lĩnh vực để giảm mức hỗ trợ từ NSNN. Trên cơ sở đó, xác định khả năng dành nguồn để tăng chi hỗ trợ trực tiếp cho người có công với cách mạng, người nghèo và các đối tượng chính sách để được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu, tăng chi cho các nhiệm vụ không có nguồn thu, qua đó cơ cấu lại chi ngân sách của từng lĩnh vực và từng bước tái cơ cấu chi NSNN.

d) Xây dựng và tổng hợp vào dự toán chi thường xuyên lĩnh vực tương ứng của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương dự toán chi đảm bảo hoạt động của các lực lượng chức năng thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm

hành chính, các nhiệm vụ chi trước đây được thực hiện bằng nguồn thu phí, lệ phí được để lại đơn vị mà theo Luật NSNN 2015 các khoản phí, lệ phí này được nộp vào NSNN.

đ) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2017:

- Chi đặc biệt, chi trợ giá: Từ năm 2017, nhiệm vụ chi đặc biệt, chi trợ giá sẽ được bố trí trong các lĩnh vực chi ngân sách tương ứng; không còn là lĩnh vực chi riêng. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương có nhiệm vụ chi thuộc hai lĩnh vực chi này lập dự toán chi tiết và kèm theo thuyết minh cụ thể để Bộ Tài chính có cơ sở tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

- Chi nghiên cứu khoa học: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ:

- + Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (trong đó có kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ) được lập dự toán theo quy định của Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- + Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở và hoạt động phục vụ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền được lập dự toán theo quy định của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN.

- + Các nhiệm vụ không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ được lập dự toán theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn,...

- Chi sự nghiệp y tế: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án giảm quá tải bệnh viện năm 2017 theo từng Dự án, nhiệm vụ và các nguồn kinh phí để thực hiện; nhu cầu kinh phí NSNN phải đảm bảo chi trả tiền lương, chế độ phụ cấp đặc thù chưa kết cấu vào giá dịch vụ y tế, chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định; dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn, kinh phí thanh tra,

phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm;...

- Chi sự nghiệp kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi,...) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; nhiệm vụ phân giới cắm mốc biên giới; chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản;...

- Chi quản lý hành chính, thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2017 (số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2016 - số biên chế tinh giản trong năm 2016 + số bổ sung trong năm 2016 nếu có), trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có).

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn); (ii) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi,...) năm 2017 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

4. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực bên cạnh việc lập dự toán thu, chi NSNN năm 2017 (phần bộ trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành năm 2017, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

5. Cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương

Năm 2017, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm so với mức 1.210.000 đồng/tháng (nếu có) theo quy định.

6. Xây dựng dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), các chương trình mục tiêu (CTMT)

Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng CTMTQG, CTMT, các bộ chủ chương trình xây dựng dự toán chi CTMTQG, CTMT, trong đó:

- Chi ĐTPT phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và tiêu chí, định mức phân bổ chi ĐTPT nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 qui định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chi thường xuyên các CTMTQG, CTMT xây dựng căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ triển khai năm 2017.

7. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi

Thực hiện lập dự toán ngân sách năm 2017 theo quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, trong đó làm rõ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng theo các chương trình, dự án và phù hợp với tính chất sử dụng vốn (vốn ĐTPT và vốn sự nghiệp) của từng dự án và theo các lĩnh vực chi tương ứng.

Dự toán chi ngân sách từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải đảm bảo phù hợp với tiến độ giải ngân đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng đáp ứng nguồn vốn đối ứng, khả năng thực hiện. Hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán được giao trong tổ chức thực hiện. Đối với các chương trình, dự án mới, chỉ triển khai nếu thực sự hiệu quả, phù hợp với khả năng giải ngân vốn ODA theo các Hiệp định đã ký và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đối với các chương trình, dự án do một số bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương cùng tham gia, cơ quan chủ quản chương trình, dự án lập dự toán chi tiết cho từng bộ, cơ quan trung ương và từng địa phương; thuyết minh cụ thể cơ sở phân bổ gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

8. Bố trí dự phòng NSNN

NSTW và NSDP các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

9. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ

Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại (phí và các khoản huy động đóng góp bằng tiền) theo chế độ quy định theo đúng các nội dung đã quy định tại Khoản 1 và 3 Điều này và tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương.

10. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2017, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương xây dựng dự toán chi phải chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật NSNN năm 2015, từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng

ngân sách trực thuộc; sau khi đã làm việc với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2017 của bộ, cơ quan, địa phương mình, để khi nhận được dự toán ngân sách Thủ tướng Chính phủ giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015.

11. Các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2016 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2017 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 11, điều 8 Luật NSNN năm 2015, gửi cùng dự toán NSNN năm 2017.

Điều 11. Xây dựng dự toán NSDP

Năm 2017 là năm đầu thời kỳ ổn định NSDP giai đoạn 2017 - 2020 theo quy định của Luật NSNN năm 2015; việc xây dựng dự toán thu, chi NSDP năm 2017 và giai đoạn 2017 - 2020 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương năm 2017 và giai đoạn 2016 - 2020; phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ (chi ĐTPT và chi thường xuyên), bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương đã ban hành và theo đúng quy định của Luật NSNN.

Ngoài các quy định hướng dẫn chung về công tác lập dự toán NSNN, việc lập, xây dựng dự toán NSDP cần chú ý một số nội dung chủ yếu sau:

1. Xây dựng dự toán thu ngân sách trên địa bàn

Địa phương phải dự toán toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN năm 2015 và các quy định pháp luật có liên quan.

Căn cứ mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016-2020, khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2016, trên cơ sở dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế, phạm vi thu NSNN theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn Luật, dự báo nguồn thu năm 2017 đối với từng ngành, từng lĩnh vực, các cơ sở kinh tế của từng địa phương và những nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng khoản thu theo chế độ. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm thu ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2017 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế.

2. Về xây dựng dự toán chi NSDP

Căn cứ dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu NSDP được hưởng 100% theo quy định của Luật NSNN năm 2015, mức chi cân đối NSDP theo tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách (chi ĐTPT và chi thường xuyên) theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP, số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP (nếu có). Trên cơ sở đó, căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, chế độ chính sách chi tiêu hiện hành và tình hình thực tế của từng địa phương, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 và định mức phân bổ NSDP năm 2017 cho từng cấp chính quyền địa phương cấp dưới để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho các năm trong thời kỳ ổn định 2017 - 2020 phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương; đảm bảo định mức phân bổ NSDP đối với các nhiệm vụ chi quan trọng (lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học - công nghệ) không thấp hơn mức theo yêu cầu của các nghị quyết của Đảng, Quốc hội quyết định và Thủ tướng Chính phủ giao (riêng đối với dự toán chi nghiên cứu khoa học - công nghệ chỉ phân cấp cho ngân sách cấp tỉnh; không phân cấp cho ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015). Đồng thời thực hiện những nội dung chủ yếu sau:

a) Đối với dự toán chi ĐTPT trong cân đối NSDP: Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công và yêu cầu xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020, trên cơ sở dự toán chi ĐTPT trong cân đối NSDP theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ĐTPT bằng nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng, tập trung đầu tư những dự án, công trình trọng điểm của địa phương sớm hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2017; rà soát, giám sát chặt chẽ việc bố trí dự toán cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế như khu kinh tế, khu công nghiệp, trong đó các dự án cơ sở hạ tầng có ý nghĩa phát triển kinh tế - xã hội không chỉ đối với riêng địa phương mà còn đối với cả vùng, trước khi triển khai thực hiện cần chủ động lấy ý kiến tư vấn, giám sát từ các cơ quan trung ương, ý kiến phản biện của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các địa phương có liên quan để đảm bảo hiệu quả kinh tế chung của địa phương và cả vùng; chú trọng thực hiện nhiệm vụ xoá đói, giảm nghèo, tạo việc làm, xử lý các tệ nạn xã hội;...

b) Đối với dự toán chi bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ NSTW cho NSDP được xây dựng căn cứ vào khả năng cân đối của NSDP, tình hình thực hiện dự toán đối với các khoản được bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP năm 2016, căn cứ các chính sách, chế độ hiện hành, các chương trình, nhiệm vụ quan trọng thực hiện theo cơ chế bổ sung có mục tiêu từ trung ương cho địa phương, căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT và Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020, xây dựng dự toán số bổ sung có mục tiêu từ NSTW.

c) Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA trên địa bàn thuộc trách nhiệm của địa phương; chủ động tính toán, bố trí nguồn để xử lý dứt điểm các khoản nợ XDCB, các khoản nợ huy động phải trả khi đến hạn.

d) Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng; chủ động phân bổ lập quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013.

đ) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết (XSKT): Từ năm 2017, nguồn thu này được tính trong dự toán thu cân đối NSDP, sử dụng cho chi ĐTPT trong đó: Các tỉnh miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên bố trí tối thiểu 60%, các tỉnh Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long bố trí tối thiểu 50% số thu dự toán từ hoạt động XSKT do HĐND cấp tỉnh quyết định để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề và y tế. Các địa phương bố trí tối thiểu 10% cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Sau khi đã bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực nêu trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số thu còn lại (nếu có) bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP. Số tăng thu thực hiện từ hoạt động XSKT so với dự toán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao (nếu có), địa phương được chủ động phân bổ chi đầu tư cho các công trình quan trọng, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế và nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Đối với các nhiệm vụ ĐTPT kết cấu hạ tầng theo các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ mục tiêu nhiệm vụ và nhu cầu nguồn vốn đầu tư đã quy định, kết quả đã đầu tư đến hết năm 2015, khả

năng thực hiện năm 2016, các địa phương chủ động xây dựng, tính toán nhiệm vụ năm 2017, trong đó chủ động bố trí, sắp xếp NSDP và các nguồn tài chính theo chế độ quy định để thực hiện các nhiệm vụ trên, giảm dần sự phụ thuộc các khoản bổ sung từ NSTW.

g) Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2017, các địa phương chủ động tính toán dành các nguồn theo quy định để thực hiện chi cải cách tiền lương.

h) Xây dựng dự toán chi trả nợ gốc và lãi:

Theo quy định của Luật NSNN năm 2002, thì ngân sách cấp tỉnh các địa phương được huy động vốn trong nước theo khoản 3 Điều 8 để đầu tư và phải bố trí hoàn trả nợ gốc và lãi các khoản tiền huy động từ nguồn vốn cân đối chi ĐTPT hàng năm của địa phương. Theo quy định của Luật NSNN năm 2015, thì từ năm 2017:

- Đối với chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác: bố trí thành một mục chi riêng trong chi cân đối NSDP.

- Đối với chi trả nợ gốc: bố trí từ các nguồn theo quy định tại khoản a, điểm 3.4 mục 3 Điều này; trường hợp có hạn mức dư nợ huy động ước đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 vượt mức giới hạn dư nợ vay theo quy định của Luật NSNN năm 2015, thì trong dự toán ngân sách năm 2017 và các năm tiếp theo phải dành nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp, giảm kế hoạch chi đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để bố trí tăng chi trả nợ gốc, bảo đảm mức dư nợ vay không vượt quá mức dư nợ vay của địa phương theo quy định của Luật NSNN năm 2015.

3. Bội chi NSDP: Căn cứ giới hạn dư nợ vay theo quy định của Luật NSNN năm 2015, dự kiến mức dư nợ thực tế đến hết năm 2016 và nhu cầu huy động vốn thêm cho ĐTPT và bố trí nguồn trả nợ, các địa phương đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017.

Căn cứ giới hạn dư nợ công, khả năng huy động vốn trong nước bố trí nguồn trả nợ, Bộ Tài chính sẽ đề xuất mức bội chi NSNN nói chung, trong đó có mức bội chi của NSTW và bội chi của ngân sách tất cả các địa phương, mức bội chi của từng địa phương (nếu có), để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật NSNN năm 2015.

Cùng với việc đề xuất phương án bội chi NSDP theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật NSNN năm 2015, các địa phương cần xác định tổng mức vay của NSDP, bao gồm vay để bù đắp bội chi NSDP và vay để trả nợ gốc của NSDP; trong đó:

3.1. Bội chi NSDP được bù đắp từ các nguồn sau:

- a) Vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật;

b) Vay từ nguồn Chính phủ vay về cho ngân sách địa phương vay lại.

3.2. Vay để bù đắp bội chi ngân sách quy định tại khoản 3.1 nêu trên không bao gồm số vay để trả nợ gốc.

3.3. Ngân sách cấp tỉnh từng địa phương được phép bội chi khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện sau:

a) Chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Luật NSNN;

b) Bội chi ngân sách cấp tỉnh hằng năm không vượt quá mức bội chi ngân sách hằng năm được Quốc hội quyết định cho từng địa phương cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 7 Luật NSNN;

c) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm ngân sách trước năm xây dựng dự toán, không phát sinh nợ quá hạn đối với các khoản nợ vay phải thanh toán trong năm ngân sách trước năm xây dựng dự toán. Trường hợp đặc biệt, Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định;

d) Vay bù đắp bội chi NSDP được huy động chủ yếu từ các khoản vay trung và dài hạn. Hằng năm, căn cứ diễn biến thị trường vốn, Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội quy định tỷ lệ tối thiểu các khoản vay bù đắp bội chi NSDP có thời hạn vay trung và dài hạn;

đ) Khi so sánh với giới hạn dư nợ vay, số dư nợ NSDP được xác định bao gồm dư nợ từ các nguồn vay: Vay Kho bạc Nhà nước, vay Ngân hàng phát triển Việt Nam, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật. Số dư nợ NSDP, bao gồm cả số vay bù đắp bội chi theo dự toán, không vượt mức dư nợ vay quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật NSNN năm 2015.

e) Việc xác định số thu NSDP được hưởng theo phân cấp lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn chi thường xuyên quy định khoản 6 Điều 7 Luật NSNN năm 2015 trên cơ sở dự toán thu, chi NSDP được Quốc hội quyết định của năm dự toán ngân sách.

3.4. Chi trả nợ gốc các khoản vay

a) Nguồn chi trả nợ gốc các khoản vay, gồm:

- Số vay để trả nợ gốc được Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hằng năm;

- Bội thu NSDP cấp tỉnh (được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng dự toán thu ngân sách cấp tỉnh và tổng dự toán chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương trong một năm ngân sách);

- Kết dư NSTW và ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật NSNN;

- Tăng thu, tiết kiệm chi so với dự toán trong quá trình chấp hành NSNN theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 59 Luật NSNN;

b) Các khoản nợ gốc đến hạn phải được chi trả đầy đủ, đúng hạn theo cam kết và hợp đồng đã ký.

c) Khoản chi trả nợ gốc phải được quản lý, hạch toán qua Kho bạc Nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu

1. Phối hợp với các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương liên quan dự kiến nhiệm vụ, mức kinh phí thực hiện CTMTQG, CTMT năm 2017, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 7 năm 2016.

2. Lập phương án phân bổ dự toán chi năm 2017 đối với từng bộ, cơ quan Trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo thời hạn quy định tại văn bản thông báo mức kinh phí năm 2017 cho các CTMTQG, CTMT của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 13. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương

1. Căn cứ số kiểm tra đã được thông báo, các bộ, cơ quan Trung ương và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị dự toán trực thuộc và ngân sách cấp dưới theo quy định.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính lập và xây dựng phương án phân bổ chi ĐTPT (bao gồm cả phương án phân bổ vốn chi ĐTPT các CTMTQG, CTMT) gửi Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

3. Các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập kế hoạch dự trữ quốc gia và dự toán ngân sách chi dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm 2016.

4. Việc tổ chức công tác xây dựng, tổng hợp và báo cáo dự toán ngân sách năm 2017 theo đúng quy định của Luật NSNN 2015, Luật Đầu tư công, các văn

bản hướng dẫn và hướng dẫn tại Thông tư này. Do các văn bản hướng dẫn Luật NSNN năm 2015 chưa được ban hành, các bộ, cơ quan trung ương thực hiện báo cáo biểu mẫu theo quy định của Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính và các biểu mẫu bổ sung quy định tại Thông tư này; các địa phương thực hiện báo cáo biểu mẫu theo quy định tại Thông tư này; gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 7 năm 2016.

Điều 14. Về thảo luận dự toán, biểu mẫu lập và báo cáo dự toán NSNN năm 2017

1. Năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan tổ chức thảo luận với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp để xác định dự toán thu, chi ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp trên và ngân sách cấp dưới, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

2. Đối với các bộ, cơ quan Trung ương:

Tổng hợp và báo cáo Bộ Tài chính dự toán NSNN theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC, các biểu mẫu bổ sung (Biểu mẫu số 2, 20, 21, 22, 23, 24, 25a, 25b, 26a và 26b) quy định tại Thông tư này và biểu mẫu quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; trong đó chú ý xây dựng dự toán ngân sách chi tiết đến từng nhiệm vụ quan trọng của bộ, cơ quan để giải trình báo cáo Quốc hội về dự toán ngân sách của từng bộ, cơ quan Trung ương.

3. Đối với các địa phương: Tổng hợp lập dự toán NSDP, báo cáo Bộ Tài chính theo các mẫu biểu (Biểu mẫu số 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19) quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2016. Nội dung, quy trình và thời gian lập dự toán NSNN 2017 được thực hiện theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Trong quá trình xây dựng dự toán NSNN năm 2017, nếu có những chính sách chế độ mới ban hành, Bộ Tài chính sẽ có thông báo hướng dẫn bổ sung; nếu phát sinh vướng mắc trong công tác tổ chức xây dựng dự toán NSNN năm 2017 đề nghị các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ NSNN. (500)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Huỳnh Quang Hải

